

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM LỚP CHĂN NUÔI THỦ Y K2 TA

			Hệ số		2	2	1	2	2	4	4	3	3	2	3	2	3	2	2	2	3	2	2	6	57		TBTN	ĐIỂM TỐT NGHIỆP	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP	XẾP LOẠI HÀNH KIỆN				
STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Giáo dục chính trị Pháp luật Giáo dục thể chất Giáo dục quốc phòng và an ninh Tin học Tiếng anh Giải phẫu sinh lý vật nuôi Giống vật nuôi Đinh dưỡng và thực dân và thú y Vệ sinh vật nuôi Dược lý thú y Chuẩn đoán và điều trị học Chăn nuôi lợn Chăn nuôi gia cầm Chăn nuôi trâu bò Bệnh truyền nhiễm Bệnh nội ngoại khoa Bệnh ký sinh trùng Truyền giống và sản khoa Luật CNTY và kiểm nghiệm thú sản Nuôi trồng thủy sản đại cương KT nuôi và phòng trị bệnh cho dê chó BCTN IBC																			Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Thực hành nghề nghiệp	TBTN	ĐIỂM TỐT NGHIỆP	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP	XẾP LOẠI HÀNH KIỆN					
01	Hồ Văn	Can	28/08/2001	Nam	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	6,3	6,9			Khá				
02	Hồ Văn	Cúc	01/01/2000	Nam	7,3	7,6	7,9	7,1	7,4	7,6	7,2	7,8	7,4	5,7	7,5	7,9	7,6	6,4	7,8	6,6	7,0	5,4	7,0	7,7	6,5	8,5	7,0	7,2	7,0	7,0	7,1	Khá		
03	Hồ Văn	Chiêm	19/08/1998	Nam	7,3	7,1	7,7	5,5	7,3	6,2	6,7	6,9	7,2	5,3	5,1	7,9	6,6	7,6	8,4	6,2	6,9	5,0	7,5	5,3	7,1	6,8	7,0	6,7	5,0	6,0	5,5	6,2	Tung bình	
04	Hồ Thị	Dung	15/05/1993	Nữ	7,9	8,3	7,7	7,2	6,7	7,8	7,2	6,9	7,3	7,0	7,0	8,2	8,4	8,0	7,7	7,1	7,5	6,5	7,5	8,3	6,7	8,3	7,0	7,4	8,5	7,5	8,0	7,6	Khá	
05	Hồ Văn	Đền	09/09/2004	Nam	7,0	7,1	7,3	7,2	6,5	6,2	6,8	7,1	8,0	6,5	7,5	6,6	6,2	7,4	7,6	6,8	7,6	5,9	7,0	6,5	7,1	7,9	8,0	7,0	7,2	5,0	6,0	6,5	6,7	Tung bình
06	Hồ Thị	Di	28/12/2202	Nữ	7,7	7,6	7,3	7,2	7,9	7,8	6,3	7,2	7,8	6,3	7,2	7,3	7,4	6,7	8,8	6,4	7,2	6,1	7,2	8,3	6,5	7,8	7,0	7,2	5,0	6,0	6,0	6,4	Khá	
07	Hồ Văn	Giơ	9/26/1999	Nam	7,6	7,6	8,0	7,1	7,9	7,0	7,0	7,8	7,7	6,5	8,2	7,9	6,8	6,1	7,7	6,5	7,7	5,9	7,7	8,0	6,5	7,8	7,0	7,2	6,0	7,0	6,5	6,9	Tung bình	
08	Hồ Thị	Hải	16/06/2003	Nữ	7,6	8,0	7,0	7,2	6,9	7,5	6,9	6,9	8,0	5,9	6,6	7,9	7,8	7,5	8,0	6,9	7,6	6,3	7,6	8,6	6,4	8,3	7,0	7,3	6,5	6,0	6,3	6,7	Tung bình	
09	Hồ Thị La	Hệ	02/03/1994	Nữ	7,7	8,5	7,3	7,2	6,3	7,2	7,2	7,7	7,2	6,3	6,9	7,9	7,7	7,5	7,8	6,8	7,6	6,8	7,6	8,6	6,5	8,2	8,0	7,4	7,5	8,0	7,8	7,6	Tung bình	
10	Hồ Văn	Hiếu	13/11/1996	Nam	7,3	8,6	7,1	7,2	7,3	7,5	7,3	7,1	7,3	6,3	7,0	7,2	8,1	7,3	7,3	7,1	7,6	6,5	7,6	7,7	8,0	7,2	8,0	7,4	7,5	8,0	7,3	7,5	7,5	Khá
11	Hồ Thị	Học	18/12/2007	Nữ	7,6	8,1	8,0	6,2	7,4	6,2	6,2	6,8	7,1	5,9	6,3	8,2	7,0	7,3	7,7	7,7	7,2	7,9	6,6	7,9	8,3	7,3	7,9	8,0	7,1	6,5	6,0	6,3	6,6	Tung bình
12	Hồ Thị	Kết	15/12/1993	Nữ	7,5	7,5	8,0	7,1	7,3	7,0	7,1	7,8	7,1	6,9	7,6	8,2	8,4	7,6	7,7	7,2	7,9	6,6	7,9	8,3	6,7	8,6	8,0	7,6	8,5	8,0	8,3	7,9	Khá	
13	Hồ Văn	Kim	26/08/1982	Nam	7,1	7,3	7,3	6,1	7,5	6,7	6,7	7,6	7,7	5,9	5,3	8,0	6,2	8,2	8,3	6,5	7,8	5,9	7,2	5,9	6,4	7,9	7,0	6,9	6,5	7,0	6,8	6,9	6,8	Tung bình
14	Hồ Văn	Lai	5/25/2001	Nam	7,6	6,7	8,0	6,2	7,9	5,6	6,6	6,2	8,0	5,9	6,6	7,5	6,7	6,1	6,8	5,9	6,9	5,6	6,9	7,7	6,5	7,6	7,0	6,7	6,5	7,5	7,0	6,9	6,9	Tung bình
15	Hồ Văn	Lam	27/08/1993	Nam	7,6	7,0	7,0	8,1	7,9	6,8	7,2	6,3	7,4	5,3	5,4	7,0	8,4	6,6	7,4	6,9	7,1	6,3	7,1	5,0	6,4	6,7	8,0	6,9	6,5	8,0	8,0	7,0	7,0	Khá
16	Hồ Văn	Lợi	04/09/1995	Nam	7,3	7,3	8,0	7,2	8,0	7,6	5,6	7,7	7,3	5,7	7,0	8,2	6,3	6,4	8,3	6,9	8,3	6,0	7,7	7,1	6,7	7,4	7,0	7,1	7,0	8,0	7,5	7,4	Khá	
17	Hồ Thị Ka	Lung	05/07/1999	Nữ	8,0	8,2	7,7	7,1	7,9	7,4	8,0	7,7	8,0	6,9	6,9	8,0	7,7	7,7	8,6	7,2	7,6	6,9	7,6	7,7	7,7	8,3	7,0	7,6	7,0	7,5	7,3	7,5	7,3	Khá
18	Hồ Văn	Manh	18/08/1996	Nam	7,0	7,1	7,7	6,3	7,7	6,1	7,5	7,8	8,1	6,5	5,3	7,7	7,5	7,0	8,1	6,5	7,6	5,6	7,0	5,3	6,4	6,9	6,0	6,8	7,5	8,0	7,8	7,3	7,3	Khá
19	Hồ Thị	Ngoài	08/03/2001	Nữ	7,7	7,3	7,0	7,2	7,1	7,4	6,6	7,9	7,3	6,9	8,1	7,3	8,6	8,0	8,3	7,2	7,6	6,6	7,6	7,3	7,3	8,3	7,0	7,4	7,0	7,5	7,5	7,3	7,4	Khá
20	Hồ Thị	Như	20/10/1997	Nữ	8,6	8,3	8,0	7,2	6,5	7,4	7,1	7,9	7,8	5,9	7,7	7,9	8,1	8,0	8,3	7,0	7,7	6,7	7,7	8,3	7,7	7,9	7,0	7,5	6,5	7,5	7,0	7,3	7,3	Khá
21	Hồ Văn	Pằng	02/09/1990	Nam	7,0	7,4	7,0	7,2	7,9	7,4	5,9	6,2	7,2	5,3	5,6	7,9	7,5	6,1	7,7	6,5	7,6	5,9	7,6	6,3	6,4	7,2	7,0	6,8	0,0	0,0	0,0	0,0	Không xếp loại	Tốt
22	Hồ Văn	Phinh	11/10/1995	Nam	7,6	8,3	7,4	7,1	7,1	6,6	7,2	8,5	7,8	6,3	8,6	7,4	6,7	6,4	7,8	6,6	7,8	5,4	7,8	6,6	6,5	8,5	7,0	7,2	6,5	7,5	7,0	7,2	7,2	Khá
23	Hồ Văn	Phu	09/06/1993	Nam	7,6	7,6	7,6	7,3	7,9	6,6	7,2	7,8	7,9	7,0	8,3	7,9	8,6	8,0	8,6	7,7	7,2	7,8	6,9	7,8	8,3	6,4	8,6	7,0	7,5	7,0	9,0	8,0	7,9	Khá
24	Hồ Thị	Sầu	27/06/1999	Nữ	8,3	8,3	7,9	8,0	6,9	7,6	7,0	6,8	7,1	6,9	7,7	8,2	7,8	8,0	8,6	7,2	7,8	6,6	7,8	8,0	8,0	6,7	7,0	7,0	7,3	7,0	8,0	7,5	7,6	Khá
25	Hồ Thị	Sầu	10/08/1995	Nữ	7,6	7,6	7,0	6,2	6,3	7,5	7,4	6,2	7,9	6,9	7,6	8,0	8,1	7,7	8,5	7,2	7,8	6,0	7,8	8,0	8,0	6,7	7,0	7,0	7,5	7,0	8,0	7,5	7,6	Khá
26	Hồ Thị	Tiền	02/01/1998	Nữ	7,6	7,7	7,7	7,2	7,4	7,5	7,2	7,6	7,3	6,5	7,4	8,3	8,6	6,9	7,9	7,5	7,8	6,9	7,8	8,3	8,0	6,7	7,0	7,0	7,5	7,0	9,0	8,0	7,9	Khá
27	Hồ Văn	Thần	19/05/1991	Nam	8,0	7,3	7,9	8,1	7,3	7,8	7,4	7,7	8,3	7,0	6,7	8,3	9,0	7,7	8,9	7,5	8,5	7,2	8,5	7,5	7,1	8,3	8,0	7,8	8,0	9,5	8,8	8,4	Gói	
28	Hồ Thị A	Xam	01/05/1995	Nữ	8,0	8,5	7,0	7,2	6,5	7,8	7,5	7,8	7,7	6,3	8,7	7,0	6,6	6,2	8,3	6,3	7,9	5,4	7,7	8,6	6,4	6,7	7,0	7,3	7,0	8,0	7,5	7,5	7,5	Khá
29	Hồ Thị	Xun	20/11/1993	Nữ	7,7	7,6	7,7	6,3	6,0	7,0	7,2	7,1	7,9	6,5	6,9	8,0	8,1	7,4	8,5	6,9	8,5	6,6	7,9	7,7	7,3	8,1	7,0	7,4	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	Khá

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÒNG HIỆU TRƯỞNG

(Chữ ký và dấu)

Lê Văn Thông

PHÒNG ĐÀO TẠO & HTQT

(Chữ ký và dấu)

Trần Vinh Thắng